TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 3 – ĐỒNG NAI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 141/2025/HS-ST
Ngày: 26-9-2025

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 3 - ĐỒNG NAI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Huy Công

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Nguyễn Ngọc Cúc

Ông Huỳnh Bình

- Thư ký phiên tòa: Ông Phạm Đức Hoàng – Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 3 - Đồng Nai.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 3 - Đồng Nai tham gia phiên tòa: Ông Lê Trọng Đại - Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 9 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 3 - Đồng Nai xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 72/2025/TLST-HS ngày 04/9/2025 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 128/2025/QĐXXST-HS ngày 15/9/2025 đối với bị cáo:

Đặng Văn T, sinh năm 1980 tại Ninh Bình; địa chỉ thường trú: Làng B, xã I (cũ là xã I, huyện I), tỉnh Gia Lai; nơi tạm trú và chỗ ở hiện nay: Tổ E, ấp F, xã T (C là xã V, huyện V), tỉnh Đồng Nai; nghề nghiệp: Lái xe; trình độ văn hoá: 05/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Đặng Văn K (Đã chết) và bà Phạm Thị T1 (Đã chết); bị cáo là con thứ 02 (Hai) trong gia đình có 04 (Bốn) anh chị em; đã ly hôn vợ là Bùi Thị H năm 2023, có 03 (Ba) con, lớn nhất sinh năm 2001 nhỏ nhất sinh năm 2012; tiền sự: Không; tiền án: Không.

Hiện bị cáo đang bị áp dụng biện pháp ngăn chặn "Cấm đi khỏi nơi cư trú".

(Bị cáo có mặt tại phiên tòa)

- *Bị hại:* Anh Mai Văn S, sinh năm 1999;

Địa chỉ: Ấp M, xã U, tỉnh An Giang (Cũ là ấp M, xã A, huyện U, tỉnh Kiên Giang).

Nơi ở hiện nay: ấp L, phường H (Cũ là xã H 3, huyện T), tỉnh Đồng Nai

(Có đơn xin xét xử vắng mặt)

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:* Ông Phạm Ngọc K1, sinh năm 1980;

Địa chỉ: Khu phố A, phường T (C là phường H, Quận A), Thành phố Hồ Chí Minh.

(Có đơn xin xét xử vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Bị cáo Đặng Văn T (có giấy phép lái xe hạng C, số: 790076343977 do Sở G cấp ngày 17/12/2021 có giá trị sử dụng đến ngày 17/12/2026) là người lái xe thuê cho anh Phạm Ngọc K1 - sinh năm 1980, trú tại khu phố A, phường H, quận A, TP . (nay là phường T, TP .). Ngày 14/9/2024, anh K1 giao xe ô tô tải biển số 51D-874.42 cho T điều khiển đến mỏ đá Thiện Tân thuộc xã T, huyện V, tỉnh Đồng Nai (nay là phường T, tỉnh Đồng Nai) mua 1.500.000 đồng đá mi bụi chở về Quận A, TP . cho anh K1. Khoảng 22 giờ ngày 14/9/2024, T điều khiển xe ô tô biển số 51D-874.42 đến mỏ đá Thiện Tân mua 1.500.000 đồng đá mi bụi (không cân, không có hóa đơn) chở về TP . và lưu thông trên đường S theo hướng huyện T đi TP ., tỉnh Đồng Nai. Đến khoảng 22 giờ 33 phút cùng ngày, khi đến km 00+900 thuộc ấp L, xã H 3, huyện T, tỉnh Đồng Nai (nay là phường H, tỉnh Đồng Nai) đoạn đường cong nên T cho xe ô tô biển số 51D-874.42 lưu thông với tốc độ khoảng 30km/h và lấn qua làn đường bên trái khoảng 0,5m. Cùng lúc này, anh Mai Văn S - sinh năm 1999, trú tại ấp M, xã A, huyện U, tỉnh Kiên Giang (nay là xã U, tỉnh An Giang) điều khiển xe mô tô biển số 68L1-285.54 chở anh Phạm Văn C - sinh năm 2008, trú tại ấp B, xã K, huyện U, tỉnh Cà Mau (nay là xã K, tỉnh Cà Mau) ngồi phía sau lưu thông hướng ngược lại đi đến, phía trước bên trái xe mô tô biển số 68L1-285.54 va đụng vào bên trái xe ô tô tải biển số 51D-874.42 do T điều khiển, trên làn đường bên phải theo hướng TP . đi huyện T, tỉnh Đồng Nai làm cho xe mô tô biển số 68L1-285.54 cùng anh S và anh C ngã ra đường, anh S bị thương nặng được người dân đưa đến Bệnh viện Đ cấp cứu đến ngày 28/9/2024 thì xuất viện (Bút lục số: 189-205, 214-226).

Sau khi tai nạn xảy ra Cơ quan điều tra Công an tỉnh Đ đã tiến hành khám nghiệm hiện trường và ghi nhận kết quả như sau:

"Đoạn đường nơi xảy ra vụ tai nạn là đoạn đường cong, mặt đường khô ráo, được trải nhựa bằng phẳng, đường được chia thành hai chiều đường ngược chiều nhau có vạch sơn nét liền chia 02 chiều đường, mỗi chiều đường có chiều rộng là 05 mét, xung quanh hai bên đường là khu vực nhà dân.

Lấy trụ điện số 660 làm điểm mốc và lấy mép đường bên phải hướng thành phố B đi Trường Cao đẳng H1 làm mép đường chuẩn.

Vị trí xe ô tô tải biển số 51D-874.42 dừng lại sau khi xảy ra tai nạn, đầu xe hướng về thành phố B có tâm trục bánh trước bên phải cách trụ điện số 660 là 7.2 mét; tâm trục bánh trước bên trái cách mép đường chuẩn là 5.8 mét; tâm trục bánh trước thứ hai bên trái tính từ trước về sau cách mép đường chuẩn là 5.3 mét; tâm trục bánh sau bên trái cách mép đường chuẩn là 4.5 mét; tâm trục bánh sau thứ hai tính từ sau về trước bên trái cách mép đường chuẩn là 4.9 mét.

Vị trí xe mô tô biển số 68L1-285.54 sau vụ tai nạn xe nằm ngã nghiêng bên phải, có đầu xe hướng vào lề đường bên trái theo hướng Trường Cao đẳng H1 đi thành phố B. T2 trục bánh trước cách mép đường chuẩn là 2.8 mét, cách tâm bánh sau bên trái xe ô tô 51D-874.42 là 5.4 mét; tâm trục bánh sau cách mép đường chuẩn là 1.7 mét.

Dấu vết máu tại hiện trường cách tâm trục bánh trước xe mô tô biển số 68L1-285.54 là 0.7 mét; cách mép đường chuẩn là 2.5 mét" (Bút lục số: 82-106).

* Tại Bản kết luận giám định số 7351/KL-KTHS ngày 11/12/2024 của Phân Viện khoa học hình sự tại Thành phố Hồ Chí Minh kết luận giám định dấu vết cơ học như sau:

"1. Xe ô tô biển số 51D-874.42 và xe mô tô biển số 68L1-285.54 có xảy va chạm với nhau. Cơ chế hình thành dấu vết va chạm:

1.1. Dấu vết trượt xước, sạch bụi các chi tiết bên trái xe ô tô biển số 51D-874.42 (khung đỡ thùng dầu, thùng dầu, thanh cản trên, mặt ngoài bên trái bánh xe ngoài trục 3, cung trước chắn bùn bánh xe trục 3) có chiều từ trước về sau phù hợp dấu vết trượt xước, sạch bụi, gãy vỡ các chi tiết bên trái phía trước xe mô tô biển số 68L1-285.54 (đầu tay lái, yếm, cụm đèn tín hiệu, gương chiếu hậu, bánh xe, phuộc, gác chân) có chiều từ trước về sau. Đây là vị trí va chạm đầu tiên giữa hai phương tiện.

1.2. Dấu vết sạch bụi bên trái thùng chở hàng xe ô tô biển số 51D-874.42 có chiều từ trước về sau phù hợp va chạm với nạn nhân.

2. Trạng thái lưu thông của hai phương tiện:

2.1. Khi xảy ra va chạm, xe ô tô biển số 51D-874.42 đang lưu thông trên đường S hướng từ huyện T đi TP .; xe mô tô biển số 68L1-285.54 lưu thông theo hướng ngược lại hướng lưu thông của xe ô tô biển số 51D-874.42.

2.2. Vị trí va chạm giữa hai phương tiện nằm trên phần đường bên phải theo hướng TP . đi huyện T.

3. Ngoài các dấu vết nêu trên, không phát hiện dấu vết va chạm giữa xe ô tô biển số 51D-874.42 và xe mô tô biển số 68L1-285.54 với phương tiện khác" (Bút lục số: 116-117).

* Tại Bản kết luận giám định tổn thương cơ thể trên người sống số: 1176/KLTTCT-TTPYĐN ngày 15/11/2024 của Trung tâm pháp y Sở y tế tỉnh Đ kết luận: "Căn cứ Thông tư số 22/2019/TT-BYT ngày 28/8/2019 của Bộ Y quy định tỷ lệ phần trăm tổn thương cơ thể sử dụng trong giám định pháp y, giám định pháp y tâm thần, xác định tỷ lệ phần trăm tổn thương cơ thể của Mai Văn S - sinh năm 1999 tại thời điểm giám định là: 62% (Sáu mươi hai phần trăm), áp dụng phương pháp cộng tại Thông tư"

Quá trình điều tra bị cáo đã khai nhận hành vi phạm tội như đã nêu trên.

* Vật chứng thu giữ và xử lý vật chứng:

- 01 xe ô tô biển số 51D-874.42

- 01 xe mô tô biển số 68L1-285.54; 01 Giấy phép lái xe hạng A1 số 790242058917 mang tên Mai Văn S; 01 Giấy chứng nhận đăng ký xe và 01 Giấy chứng nhận kiểm định an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường của xe ô tô biển số 51D-874.42.

- 01 Giấy phép lái xe hạng C số 790076343977.

- 01 USB có chứa video hình ảnh vụ tai nạn giao thông lưu theo hồ sơ vụ án.

* Về dân sự: Bị cáo Đặng Văn T đã thỏa thuận bồi thường cho anh Mai Văn S số tiền 80.000.000 đồng (tám mươi triệu đồng), anh S đã nhận tiền và có đơn bãi nại

Tại phiên tòa:

Bị cáo: khai nhận hành vi đúng như nội dung cáo trạng đã thể hiện, giữ nguyên lời khai tại Cơ quan điều tra, truy tố; đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 3 – Đồng Nai: Giữ nguyên quyết định truy tố đối với bị cáo theo bản cáo trạng. Sau khi xem xét đánh giá tính chất, mức độ nguy hiểm của hành vi phạm tội, tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, nhân thân của bị cáo, đại diện Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử: Áp dụng điểm b khoản 1 Điều 260; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 và Điều 65 của Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo Đặng Văn T với mức hình phạt từ: 01 (Một) năm đến 01 (Một) năm 06 (Sáu) tháng tù nhưng cho hưởng án treo và thời gian thử thách từ 02 (Hai) năm đến 03 (Ba) năm. Áp dụng Điều 48 Bộ luật Hình sự và Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự tuyên: Trả 01 giấy phép lái xe hạng C số 790076343977 cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]. Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan Cảnh sát điều tra - Công an huyện T, Cơ quan Cảnh sát điều tra - Công an tỉnh Đ, Điều tra viên; Viện kiểm sát nhân dân khu vực 3 – Đồng Nai, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã được thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định trong Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa, bị cáo, bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không có ý kiến khiếu nại gì về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng và người tiến hành tố tụng. Do đó các hành vi và quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng và người tiến hành tố tụng đều hợp pháp.

[2]. Bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có đơn xin xét xử vắng mặt. Căn cứ Điều 292 Bộ luật Tố tụng hình sự tiến hành xét xử vắng mặt đối với bị hại và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan.

[3]. Về hành vi thực hiện tội phạm của bị cáo:

3.1. Tại phiên tòa lời khai của bị cáo phù hợp với lời khai của bị cáo có trong hồ sơ vụ án, biên bản khám nghiệm hiện trường, biên bản khám nghiệm phương tiện, sơ đồ hiện trường, bản ảnh hiện trường, các kết luận giám định, lời khai của bị hại, người làm chứng cùng các chứng cứ, tài liệu khác có trong hồ sơ vụ án, có đủ cơ sở xác định: Khoảng 22 giờ 30 phút, ngày 14/9/2024 bị cáo Đặng Văn T điều khiển xe ô tô biển số 51D-874.42 lưu thông trên đường S theo hướng từ huyện T đi thành phố B. Khi đến Km 00+900 thuộc ấp L, xã H 3, huyện T, tỉnh Đồng Nai (nay là phường H, tỉnh Đồng Nai), bị cáo T điều khiển xe ô tô đi lấn sang làn đường ngược chiều nên phía bên trái xe ô tô do bị cáo T điều khiển đã va chạm vào phía trước bên trái xe mô tô biển số 68L1-285.54 do anh Mai Văn S điều khiển dẫn đến tai nạn. Hậu quả, anh Mai Văn S bị thương tích với tỷ lệ 62% (Sáu mươi hai phần trăm).

3.2. Hành vi của bị cáo đã vi phạm Điều 9 Luật Giao thông đường bộ và đã đủ yếu tố cấu thành tội "Vi phạm quy định về tham gia giao thông đường bộ", tội danh và hình phạt được quy định tại điểm b khoản 1 Điều 260 Bộ luật Hình sự. Việc truy

tố bị cáo theo Cáo trạng số 69/CT-VKS-HS ngày 29/8/2025 của Viện kiểm sát nhân dân khu vực 3- Đồng Nai là có cơ sở, đúng người và đúng tội.

[4]. Về tính chất, mức độ thực hiện hành vi phạm tội của bị cáo: Hành vi phạm tội của bị cáo thuộc trường hợp nghiêm trọng, nguy hiểm cho xã hội, trực tiếp xâm phạm đến trật tự, an toàn trong hoạt động giao thông đường bộ, đồng thời xâm phạm đến sức khỏe, tính mạng của người khác được pháp luật bảo vệ, làm mất trật tự xã hội tại địa phương.

[5]. Về tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và hình phạt:

5.1. Tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: không có

5.2. Tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa, bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; bị cáo đã tự nguyện bồi thường xong cho bị hại và bị hại cũng đã làm đơn bãi nại cho bị cáo nên bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm b, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Bị cáo chưa có tiền án, tiền sự có nhân thân tốt, có đơn xác nhận của địa phương bị cáo hiện đang chăm sóc con nhỏ nên xem xét cho bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

5.3. Về hình phạt: Xét thấy, trong vụ án này mặc dù bị hại không có lỗi nhưng đã sử dụng bia, rượu (trong cơ thể có nồng độ cồn là 162.1 mg/dl) khi tham gia giao thông là một phần nguyên nhân xảy ra hậu quả thương tích. Khi xảy ra tai nạn, bị cáo tích cực cùng với người dân đưa bị hại đến bệnh viện cấp cứu kịp thời. Bị cáo có nhân thân tốt, có nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự (Trong đó có 02 (Hai) tình tiết quy định tại khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự), có nơi cư trú rõ ràng và có khả năng tự cải tạo. Việc cách ly bị cáo ra ngoài xã hội là không cần thiết nên Hội đồng xét xử, áp dụng Điều 65 Bộ luật Hình sự và Nghị quyết hướng dẫn áp dụng Điều 65 của Bộ luật Hình sự về án treo của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao, cho bị cáo được hưởng án treo cũng đủ để răn đe, giáo dục, đồng thời cũng thể hiện được sự nhân đạo của pháp luật.

[6]. Về trách nhiệm dân sự: Bị cáo đã bồi thường cho bị hại số tiền 80.000.000đ (Tám mươi triệu đồng). Bị hại đã tự nguyện làm đơn bãi nại, xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo và không ai có yêu cầu gì thêm nên không đặt ra xem xét.

[7]. Về biện pháp tư pháp: Áp dụng Điều 48 Bộ luật Hình sự, trả lại "01 Giấy phép lái xe hạng C số 790076343977 cấp ngày 17/12/2021" cho bị cáo Đặng Văn T.

[8]. Các nội dung khác liên quan đến vụ án:

8.1. Anh Phạm Văn C bị thương tích nhẹ nên sau khi xảy ra tai nạn không yêu cầu giám định và bồi thường. Hiện nay, anh C không còn cư trú tại địa phương, nên Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh Đ tiếp tục xác minh làm rõ và xử lý sau.

8.2. Đối với: Xe ô tô biển số 51D-874.42 là tài sản hợp pháp của ông Phạm Ngọc K1. Cơ quan điều tra đã trả lại cho ông K1 là đúng quy định pháp luật

8.3. Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh Đ đã chuyển: 01 Xe mô tô biển số 68L1-285.54 (của ông Mai Văn T3 là bố của anh Mai Văn S), 01 Giấy phép lái xe hạng A1 số 790242058917 mang tên Mai Văn S, 01 Giấy chứng nhận đăng ký xe và 01 Giấy chứng nhận kiểm định an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường của xe ô tô biển số 51D-874.42 cho Phòng C1, Công an tỉnh Đ để xử phạt vi phạm hành chính về hành vi chở hàng hóa quá tải trọng, cơi nới thành thùng xe đối với bị cáo T, ông K1 và hành vi điều khiển xe mà trong cơ thể có nồng độ cồn đối với anh S là đúng quy định của pháp luật.

[9]. Xét quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 3- Đồng Nai phù hợp với tài liệu, chứng cứ và nhận định của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

[10]. Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Tuyên bố bị cáo: Đặng Văn T phạm tội "Vi phạm quy định về tham gia giao thông đường bộ".

1. Căn cứ điểm b khoản 1 Điều 260; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 và Điều 65 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017). Nghị quyết 02/2018/NQ-HĐTP ngày 15/5/2018 hướng dẫn áp dụng Điều 65 của Bộ luật Hình sự về án treo của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao. Nghị quyết 01/2022/NQ- HĐTP ngày 15/4/2022 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao sửa đổi một số điều của Nghị quyết 02/2018/NQ-HĐTP ngày 15/5/2018.

- Xử phạt bị cáo Đặng Văn T: **01 (Một) năm tù** nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 02 (Hai) năm tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Giao bị cáo Đặng Văn T cho Ủy ban nhân dân xã T, tỉnh Đồng Nai giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách. Gia đình bị cáo có trách nhiệm phối hợp với chính quyền địa phương trong việc giám sát, giáo dục bị cáo.

Trong trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú, thì thực hiện theo quy định của pháp luật về thi hành án hình sự.

Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 (Hai) lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

2. Biện pháp tư pháp: Áp dụng Điều 48 Bộ luật Hình sự và Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự, trả lại "01 Giấy phép lái xe hạng C số 790076343977 cấp ngày 17/12/2021" cho bị cáo Đặng Văn T.

3. Về án phí: Áp dụng Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự, Điều 23 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội

về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, buộc bị cáo phải chịu 200.000đ (Hai trăm ngàn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

4. Về quyền kháng cáo: Bị cáo có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án. Bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:
- Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Nai;
- Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Nai;
- Viện kiểm sát nhân dân khu vực 3 – Đồng Nai;
- Thi hành án dân sự tỉnh Đồng Nai;
- Cơ quan cảnh sát điều tra, Công an tỉnh Đồng Nai;
- Cơ quan thi hành án hình sự, Công an tỉnh Đồng Nai;
- Uỷ ban nhân dân phường (xã) của bị cáo cư trú;
- Bị cáo; bị hại, người có quyền lơi, nghĩa vụ liên quan;
- Lưu.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Lê Huy Công